

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Số CCCD: 038187049296.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1991

Số CCCD: 038091014541.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 12/01/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể hòa giải được. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy chị T và anh T1 thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 thống nhất vợ chồng có 04 con chung là cháu Lê Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/10/2012, cháu Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/3/2015, cháu Lê Tấn P, sinh ngày 19/02/2018 và cháu Lê Nguyễn Anh T2, sinh ngày 18/3/2020. Hai bên thỏa thuận giao cháu Lê Nguyễn Quỳnh A và cháu Lê Nguyễn Anh T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi; giao cháu Lê Nguyễn Ánh D và cháu Lê Tấn P cho anh Lê Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 thống nhất chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1.

- Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 có 04 con chung là cháu Lê Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/10/2012, cháu Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/3/2015, cháu Lê Tấn P, sinh ngày 19/02/2018 và cháu Lê Nguyễn Anh T2, sinh ngày 18/3/2020.

Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1, giao cháu Lê Nguyễn Quỳnh A và cháu Lê Nguyễn Anh T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi; Giao cháu Lê Nguyễn Ánh D và cháu Lê Tấn P cho anh Lê Văn T1 trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh T3 và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh T3 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/26E số: 0001466 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T (chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4 - Thanh Hóa;*
- *UBND xã Hoàng Thanh, tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú